

Số: 32 /BCG-TCKH

Mường Ảng, ngày 21 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG THÁNG 03 NĂM 2024

1. Tình hình thị trường và giá cả tháng 03 năm 2024

Giá cả so với tháng trước (tháng 02/2023) có biến động như sau:

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

2. Công tác quản lý nhà nước về giá của địa phương

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về công tác quản lý, điều hành bình ổn giá cả thị trường tới nhân dân trên địa bàn hạn chế những thông tin thất thiệt gây hoang mang cho người dân và gây bất ổn thị trường.

Thường xuyên theo dõi diễn biến giá cả thị trường, lập báo cáo tháng gửi Sở Tài chính tỉnh Điện Biên để kịp thời nắm bắt và có biện pháp xử lý trong công tác điều hành quản lý giá trên địa bàn.

Tham gia Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự.

Trên đây là báo cáo tình hình giá cả thị trường tháng 03/2024 trên địa bàn huyện Mường Ảng./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh Điện Biên;
- Lãnh đạo UBND huyện (B/c);
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu./.

P.TRƯỞNG PHÒNG



Bùi Bằng Huy

Đơn vị: Phòng tài chính Huyện Mường Ảng



BÁO CÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 3 NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 116 /2018/TT-BTC ngày 28/11 /2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo giá thị trường)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
I.	01	LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM									
1	01.0001	Gạo tẻ thường	Khang dân hoặc tương đương (gạo tẻ Thường)	đ/kg	Giá bán lẻ	19.000	19.000				
2	01.0001a	Thóc tẻ thường		đ/kg	Giá bán lẻ	11.000	11.000				
3	01.0002	Gạo tẻ ngon	Tám thơm hoặc tương đương	đ/kg	Giá bán lẻ	20.000	20.000				
4	01.0003	Thịt lợn hơi (Thịt heo hơi)		đ/kg	Giá bán lẻ	62.000	62.000				
5	01.0004	Thịt lợn nạc thăn (Thịt heo nạc thăn)		đ/kg	Giá bán lẻ	140.000	130.000				
6	01.0005	Thịt bò thăn		đ/kg	Giá bán lẻ	250.000	250.000				
7	01.0006	Thịt bò bắp	Bắp hoa hoặc bắp lõi, loại 200 – 300 gram/ cái	đ/kg	Giá bán lẻ	230.000	230.000				
8	01.0007	Gà ta	Còn sống, loại 1,5 – 2kg /1 con hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	190.000	180.000	-10.000	-5,26		
9	01.0008	Gà công nghiệp	Làm sẵn, nguyên con, bỏ lòng, loại 1,5 – 2kg /1 con hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	100.000	80.000	-20.000	-20		
10	01.0009	Giò lụa	Loại 1 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	160.000	150.000	-10.000	-6,25		
11	01.0010	Cá chép	Loại 2kg/ 1 con trở lên	đ/kg	Giá bán lẻ	70.000	65.000	-5.000	-7,14		
12	01.0011	Cải xanh	Cải ngọt hoặc cải cay theo mùa	đ/kg	Giá bán lẻ	15.000	15.000				
13	01.0012	Bí xanh	Quả từ 1-2 kg hoặc phổ biến	đ/kg	Giá bán lẻ	15.000	10.000	-5.000	-33,33		
14	01.0013	Cà chua	Quả to vừa, 8-10 quả/kg	đ/kg	Giá bán lẻ	20.000	15.000	-5.000	-25		



15	01.0014	Muối hạt	Gói 01 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	5.000	5.000				
16	01.0015	Dầu thực vật	Chai 01 lít	đ/lít	Giá bán lẻ	55.000	60.000	5.000	9,09		
17	01.0016	Đường trắng kết tinh, nội	Gói 01 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	26.000	26.000				
18	01.0017	Sữa bột dùng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Hộp sắt 900 gram - Dành cho trẻ từ 06-12 tháng tuổi, Sữa Dielac Alpha Gold	đ/hộp	Giá bán lẻ	250.000	250.000				
19	01.0018	Gạo nếp to (loại ngon)		đ/kg	Giá bán lẻ	35.000	35.000				
20	01.0019	Thịt lợn mông sấn (heo đù)		đ/kg	Giá bán lẻ	120.000	110.000	-10.000	-8,33		
21	01.0020	Thịt lợn ba chỉ (heo ba rọi), loại ba chỉ		đ/kg	Giá bán lẻ	120.000	120.000				
22	01.0021	Gà ta làm sẵn nguyên con, bỏ lòng		đ/kg	Giá bán lẻ	190.000	160.000				
23	01.0022	Vịt còn sống, loại 1-1,5kg/con		đ/kg	Giá bán lẻ	95.000	95.000				
24	01.0023	Vịt làm sẵn, nguyên con, bỏ lòng		đ/kg	Giá bán lẻ	110.000	110.000				
25	01.0024	Trứng gà ta không đóng gói, bán rời		đ/10 quả	Giá bán lẻ	50.000	50.000				
II.	02	VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP									
1	02.0061	Phân đạm urê	Phân đạm U rê Hà Bắc - Có hàm lượng Nitơ (N) tổng số ≥ 46%;	đ/kg	Giá bán lẻ	12.000	12.000				
2	02.0062	Phân NPK	Phân NPK Lâm Thao - Mã 5.10.3	đ/kg	Giá bán lẻ	7.000	7.000				
III.	03	ĐỒ UỐNG									
1	03.0001	Nước khoáng	Chai nhựa 500ml	đ/chai	Giá bán lẻ	5.000	5.000				
2	03.0002	Rượu vang nội	Rượu vang Đà Lạt - Chai 750ml	đ/chai 750ml	Giá bán lẻ	120.000	120.000				
3	03.0003	Nước giải khát có ga	Nước Cocacola - Thùng 24 lon 330ml loại phổ biến	đ/thùng (24 lon)	Giá bán lẻ	200.000	200.000				
4	03.0004	Bia lon	Bia Heniken - Thùng 24 lon 330ml loại phổ biến	đ/thùng (24 lon)	Giá bán lẻ	450.000	450.000				

X.H.C.N
HỒNG
CHÍNH
HOẠC
ĐANG-T.Đ

5	03.0006	Thuốc lá Thăng long (Việt Nam sản xuất)		đ/bao	Giá bán lẻ	12.000	12.000				
IV.	04	VẬT LIỆU XÂY DỰNG									
1	04.0008	Gas đun	Gas Petro VN - loại bình 12kg (không kể tiền bình)	đ/kg	Giá bán lẻ	40.084	41.250				
V.	05	THUỐC CHỮA BỆNH CHO NGƯỜI									
1	05.0001	Thuốc tim mạch	Hoạt chất Amlodipin 10 mg hoặc Hoạt chất Atorvastatin 10mg hoặc Hoạt chất Nifedipin 20mg	đ/ vi	Giá bán lẻ	10.000	10.000				
2	05.0002	Thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng	Hoạt chất Cefuroxim 500mg hoặc Hoạt chất Amoxicilin 500mg	đ/ vi	Giá bán lẻ	10.000	10.000				
3	05.0003	Thuốc dị ứng và các trường hợp quá mẫn cảm	Hoạt chất Cinnarizin 25mg hoặc Hoạt chất Fexofenadin 60mg	đ/ vi	Giá bán lẻ	20.000	20.000				
4	05.0004	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid và thuốc điều trị gut và các bệnh xương	Hoạt chất Paracetamol 500mg hoặc Hoạt chất Alpha Chymotrypsin 4.2mg	đ/ vi	Giá bán lẻ	5.000	5.000				
VI.	07	GIAO THÔNG									
1	07.0004	Giá cước xe buýt công cộng	Tuyến Mường Ảng <-> Điện Biên, nhà xe Xuân Long	đ/vé	Giá bán lẻ	35.000	35.000				
2	07.0006	Xăng E5 Ron 92		đ/lit	Giá bán lẻ	23.280	22.930	-350	-1,5		
3	07.0007	Xăng Ron 95		đ/lit	Giá bán lẻ	24.380	24.010	-370	-1,52		
4	07.0008	Dầu Diesel	0,05S-II	đ/lit	Giá bán lẻ	21.780	20.950	-830	-3,81		

